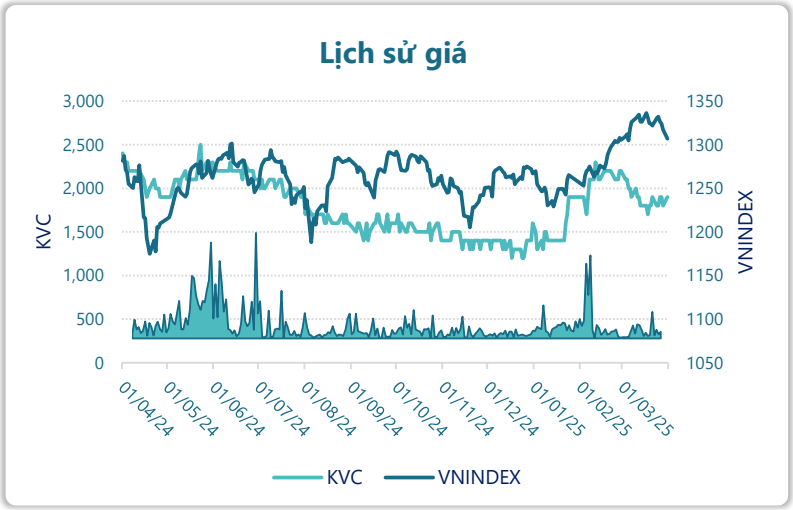
FireAnt

CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ (UPCOM: KVC)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**1,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	2,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,200
SL cổ phiếu LH	49,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	484,390
% sở hữu nước ngoài	1.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	94
P/E	23.4
EPS	81

DT thuần

Q1/25

38.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.80| 8.0%

YoY: ▲ 2.50| 7.1%

LN sau thuế

Q1/25

-4.51

tỷ VNĐ

QoQ: ▼22.8| -125%

YoY: ▲ 0.46| 9.2%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

5.2%

+/- YoY: ▲ 6.7%

DT thuần

2024

155

tỷ VNĐ

YoY: ▼53.0| -25.3%

LN sau thuế

2024

-1.04

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 13.0| 92.6%

ROE

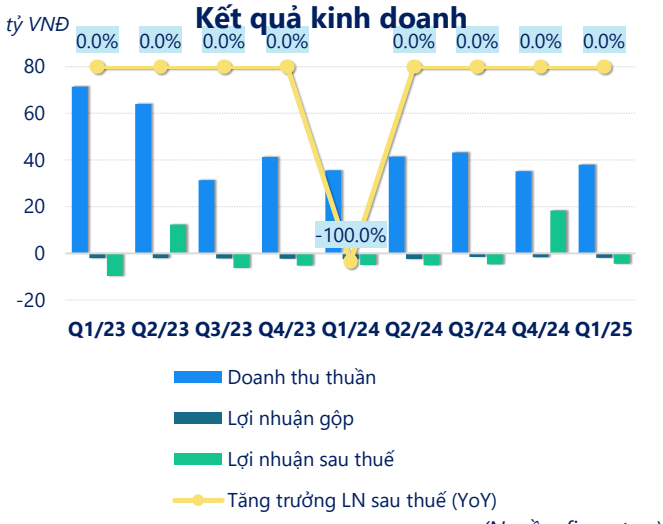
2024

-0.2%

+/- YoY: ▲ 2.7%

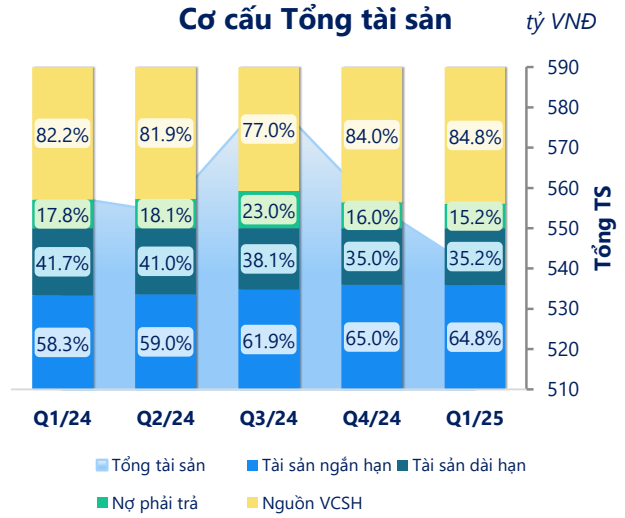
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



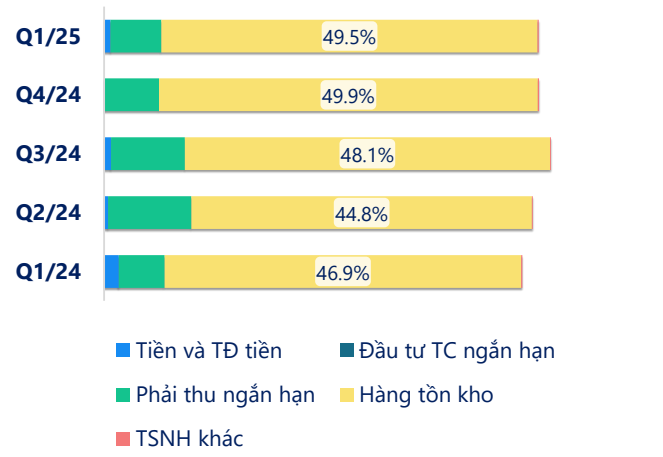
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



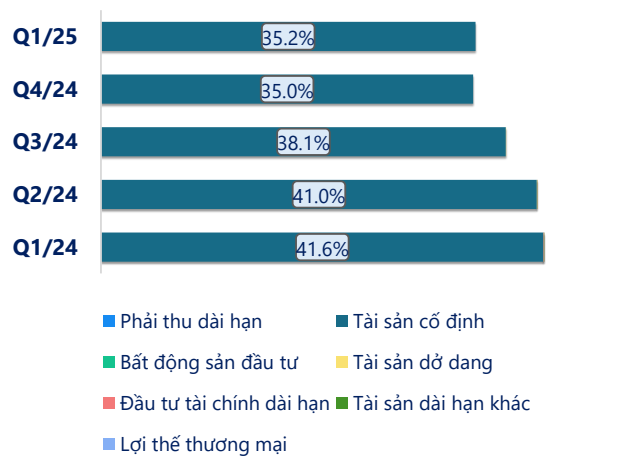
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



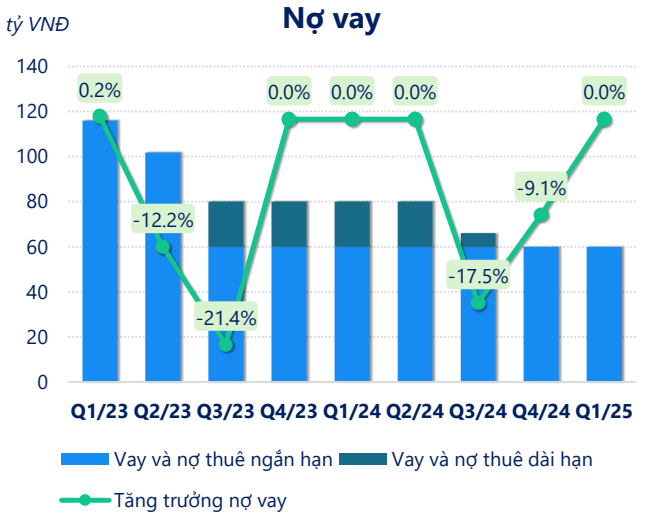
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



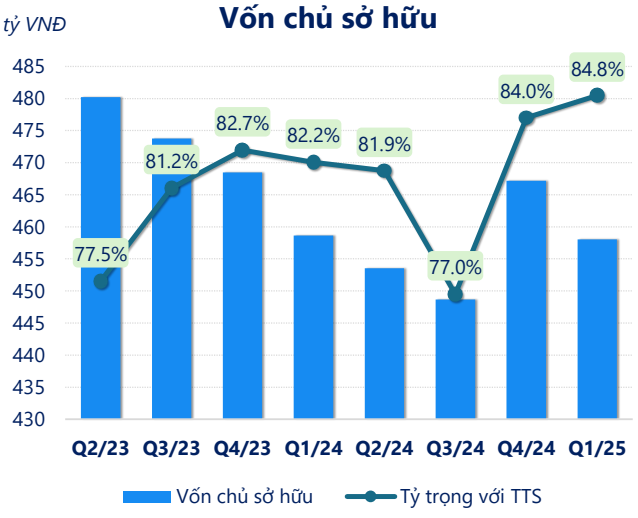
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



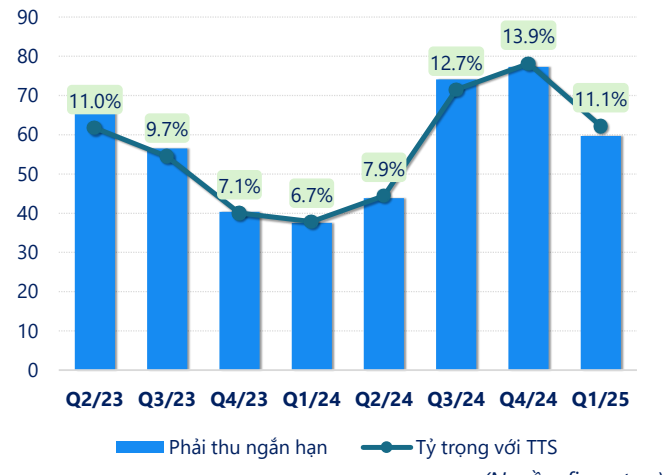
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



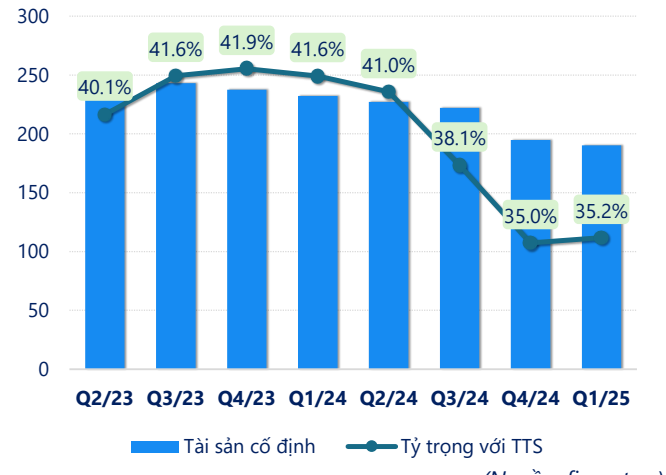
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



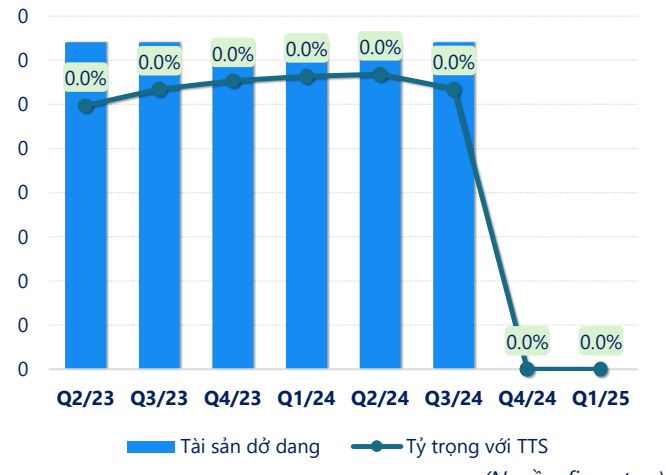
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



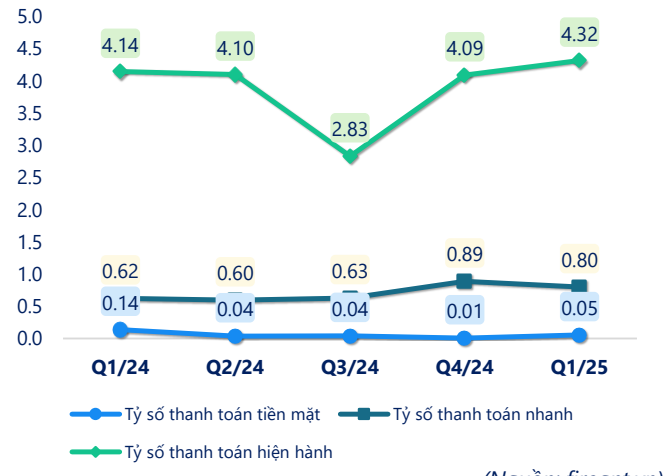
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



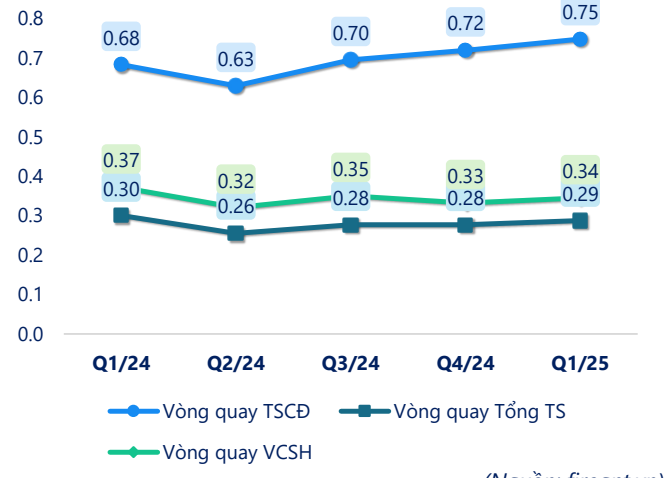
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**558**	**554**	**583**	**556**	**540**
Tài sản ngắn hạn	**325**	**327**	**361**	**362**	**350**
Tiền và tương đương tiền	10.8	2.92	5.45	0.53	4.44
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	37.6	43.8	74.1	77.3	59.7
Hàng tồn kho	276	279	281	283	285
Tài sản ngắn hạn khác	0.69	0.70	0.71	0.70	0.70
Tài sản dài hạn	**233**	**227**	**222**	**195**	**190**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	232	227	222	195	190
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.04	0.04	0.04	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0.20	0.20	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.02	0.01	0	0	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**99.4**	**100**	**134**	**89.2**	**81.8**
Nợ ngắn hạn	**78.6**	**79.7**	**127**	**88.5**	**81.0**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	60.0	60.0	60.0	60.0	60.0
Phải trả người bán ngắn hạn	14.9	15.9	50.1	24.6	13.0
Nợ dài hạn	20.8	20.8	6.81	0.76	0.76
Vay và nợ thuê dài hạn	20.0	20.0	6.00	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**459**	**454**	**449**	**467**	**458**
Vốn chủ sở hữu	**459**	**454**	**449**	**467**	**458**
Vốn điều lệ	495	495	495	495	495
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)